

Số: /TB – THPT.CVA

Gia nghĩa, ngày tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

***(V/v kiểm tra, rà soát đối tượng được hưởng chính sách NĐ 66/2025
học kỳ II năm học 2024 – 2025)***

Thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính Phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ công 726/SGD&ĐT-TCCBTC ngày 21/4/2025 về việc rà soát, xác định số lượng học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ gạo học kỳ II năm học 2024-2025 theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP;

Trường THPT Chu Văn An thông báo đến các lớp và phụ huynh học sinh về việc rà soát, lập danh sách và hướng dẫn nộp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ như sau:

I. Đối tượng áp dụng:

- 1. Học sinh bán trú** (ở lại trường có giấy xác nhận của nhà trường có chỗ ở), hoặc thuê trọ có hợp đồng thuê trọ) học tại cơ sở giáo dục phổ thông.
- 2. Học viên bán trú** (ở lại trường có giấy xác nhận của nhà trường có chỗ ở), hoặc thuê trọ có hợp đồng thuê trọ) học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

II. Điều kiện được hưởng chính sách học sinh bán trú, học viên bán trú và hồ sơ nộp.

- 1. Học sinh bán trú** phải đảm bảo một trong các điều kiện sau:

a) **Học sinh trung học phổ thông** đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông, nhà ở xa trường từ 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, **thuộc một trong các trường hợp sau:**

- Người dân tộc thiểu số mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc). **Hồ sơ:** giấy xác nhận nơi cư trú năm 2025 công chứng.

- Người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc). **Hồ sơ:** giấy xác nhận nơi cư trú năm 2025, giấy xác nhận hộ nghèo năm 2025, công chứng.

- Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ). **Hồ sơ:** giấy xác nhận nơi cư trú năm 2025 công chứng.

2. Học viên bán trú đang học tại cơ sở giáo dục thường xuyên mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc), nhà ở xa nơi học tập từ 10 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông; hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá thuộc một trong các trường hợp sau:

- Là người dân tộc thiểu số. **Hồ sơ:** giấy xác nhận nơi cư trú năm 2025 công chứng.

- Là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ. **Hồ sơ:** giấy xác nhận nơi cư trú năm 2025, giấy xác nhận hộ nghèo năm 2025, công chứng.

III. Chính sách đối với học sinh bán trú và học viên bán trú.

1) Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh, học viên được hỗ trợ mỗi tháng là 936.000 đồng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học;

2) Hỗ trợ tiền nhà ở: Mỗi học sinh bán trú, học viên bán trú phải tự túc chỗ ở do nhà trường không thể bố trí chỗ ở trong trường thì mỗi tháng được hỗ trợ 360.000 đồng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học;

3) Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh, học viên được hỗ trợ mỗi tháng 15 kg gạo và được hưởng không quá 9 tháng/năm học;

IV. Thời gian và nơi nộp hồ sơ:

Nộp về phòng kế toán **trước 9 giờ 00 phút, ngày 5 tháng 5 năm 2025 (thứ 2).**

Sau thời hạn trên, học sinh, học viên nào không nộp hồ sơ xem như không được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính Phủ học kỳ II năm học 2024-2025.

Trên đây là thông báo triển khai chế độ chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính Phủ học kỳ II năm học 2024-2025 đề nghị Cán bộ, giáo viên, nhân viên đặc biệt giáo viên chủ nhiệm từng lớp triển khai rộng rãi đến cha mẹ học sinh và học sinh, học viên biết và thực hiện đúng thời hạn nêu trên.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc xin liên hệ bộ phận kế toán để được hướng dẫn cụ thể chi tiết./.

- ***Đính kèm các biểu mẫu và các quyết định phần bên dưới.***

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận :

- *GVCN (đơn đốc học sinh)*
- *Lưu VT, HS KT*

Phạm Thị Hải Yến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC SINH BÁN TRÚ

(Dùng cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông)

Kính gửi: Trường.....

- Họ và tên cha/mẹ/người giám hộ
- Số định danh cá nhân/căn cước công dân/căn cước/chứng minh nhân dân:
- Họ và tên học sinh:
- Số định danh cá nhân/căn cước công dân/căn cước/:
- Thuộc hộ nghèo ☐ (đánh dấu X vào ô vuông nếu thuộc hộ nghèo).
- Năm học; là học sinh lớp:....., Trường
- Vì lý do (chọn 1 trong 2 lý do sau):
 - Nhà ở xa trường không thể đến trường và trở về nhà trong ngày (ghi rõ cách nơi học tập bao nhiêu km):.....
 - Địa hình giao thông khó khăn: ☐
- Nên em phải ở lại trường hoặc khu vực gần trường để học tập.
- Vì vậy, em làm đơn này đề nghị các cấp quản lý xem xét cho em được hưởng chính sách học sinh bán trú theo quy định tại Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày.....tháng năm 2025 của Chính phủ, gồm:
 - 1. Tiền ăn ☐
 - 2. Tiền nhà ở (đối với trường hợp học sinh phải tự lo chỗ ở) ☐
 - 3. Gạo: ☐

....., ngày..... tháng.....năm

Người làm đơn

(Học sinh hoặc cha/mẹ/người giám hộ của
học
sinh khai ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

- CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

- ĐƠN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC VIÊN BÁN TRÚ

- (Dùng cho học viên đang học tại cơ sở giáo dục thường xuyên)

- Kính gửi: Trung tâm

- Họ và tên cha/mẹ/người giám hộ
- Số định danh cá nhân/căn cước công dân/căn cước/chứng minh nhân dân:
- Họ và tên học viên:
- Số định danh cá nhân/căn cước công dân/căn cước:
- Thuộc hộ nghèo ☐ (đánh dấu X vào ô vuông nếu thuộc hộ nghèo).
- Năm học:, là học viên lớp:....., Trung tâm
.....ì lý do (chọn 1 trong 2 lý do sau):
- - Nhà ở xa nơi học tập không thể đi học và trở về nhà trong ngày (ghi rõ cách nơi học tập bao nhiêu km):
- - Địa hình giao thông khó khăn: ☐
- Nên em phải ở lại gần nơi học tập.
- Vì vậy, em làm đơn này đề nghị các cấp quản lý xem xét cho em được hưởng chính sách học viên bán trú theo quy định tại Nghị định số/2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ, gồm:
- 1. Tiền ăn ☐
- 2. Tiền nhà ở ☐
- 3. Gạo: ☐

....., ngày..... tháng.....năm

Người làm đơn

(Học viên hoặc cha/mẹ/người giám hộ của
học viên khai ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm
chỉ)

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC XÃ KHU VỰC III, KHU VỰC II, KHU VỰC I THUỘC VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số: 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của

Thủ tướng Chính phủ)

 DANH SÁCH XÃ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH ĐẮK NÔNG PHÂN ĐỊNH THEO TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 <i>(Kèm theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)</i>			
TT	Tên huyện, xã	Thuộc khu vực	Ghi chú
	Tổng cộng	46	
	Xã khu vực I	29	
	Xã khu vực II	5	
	Xã khu vực III	12	
I	HUYỆN TUY ĐỨC		
1	Xã Đắk R'Đinh	III	
2	Xã Đắk Buk So	II	
3	Xã Quảng Tân	III	
4	Xã Quảng Trục	III	
5	Xã Đắk Ngo	III	
6	Xã Quảng Tâm	III	
II	HUYỆN ĐẮK R'LẤP		
1	Xã Quảng Tín	I	
2	Xã Đắk Ru	I	
3	Hưng Bình	I	
4	Xã Đắk Wer	I	

III	HUYỆN ĐẮK GLONG		
1	Xã Quảng Khê	III	
2	Xã Đăk Sơm	III	
3	Xã Đăk P'lao	III	
4	Xã Đăk R'Măng	III	
5	Xã Quảng Sơn	III	
6	Xã Đăk Ha	III	
7	Xã Quảng Hòa	III	
IV	HUYỆN ĐẮK MIL		
1	Xã Đăk Gắn	I	
2	Xã Đăk N'Drôt	I	
3	Xã Đăk Rla	I	
4	Xã Long Sơn	I	
5	Xã Thuận An	I	
V	HUYỆN ĐẮK SONG		

TT	Tên huyện, xã	Thuộc khu vực	Ghi chú
1	Xã Trường Xuân	II	
2	Xã Đăk N'Drung	I	
3	Xã Đăk Mól	I	
4	Xã Thuận Hà	I	
VI	TP GIA NGHĨA		
1	Xã Đăk Nía	I	
2	Phường Quảng Thành	I	
VII	HUYỆN CƯ JÚT		
1	Thị trấn Ea Tling	I	
2	Xã Ea Pô	I	
3	Xã Đăk Wil	I	
4	Xã Nam Dong	I	
5	Xã Cư Knia	I	
6	Xã Trúc Sơn	I	
7	Xã Đăk Drông	I	
8	Xã Tâm Thắng	I	

VIII	HUYỆN KRÔNG NÔ		
1	Xã Quảng Phú	II	
2	Xã Đắk Nang	II	
3	Xã Năm Nđir	I	
4	Xã Năm Nung	I	
5	Xã Tân Thành	I	
6	Xã Nam Xuân	I	
7	Xã Đắk Sôr	I	
8	Xã Buôn Chóah	II	
9	Xã Đắk Drô	I	
10	TT Đắk Mâm	I	

DANH SÁCH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
THUỘC VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH ĐẮK NÔNG
GIẢI ĐOẠN 2021-2025

*(Kèm theo Quyết định số 621/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

TT	Tên huyện, xã, thôn	Số thôn ĐBK
	Tổng cộng	143
	Xã có thôn vùng DTTS&MN	5
	Xã khu vực I	21
	Xã khu vực II	14
	Xã khu vực III	103
I	Huyện Đắk Mil	
1	Xã Đắk R'la	I

	Thôn Năm Tầng	
2	Xã Đắc Sắk	
	Bon Đắc Mâm	
	Bon Đắc Sắk	
3	Xã Đức Minh	
	Bon Jun Juh	
4	Xã Đắc Gắn	I
	Bon Đắc Láp	
II	Huyện Tuy Đức	
1	Xã Quảng Tâm	III
	Thôn 5	
	Bon Bu N'Dor B	
2	Xã Quảng Trục	III
	Bon Bu Prăng 1	
	Bon Bu Prăng 2	
	Bon Bu Nung	
	Bon Bu Gia	
	Bon Bu Krăk	

	Bon Bu Dăr	
	Bon Đăk Huých	
	Bon Bu Sóp	
	Bon Bu Lum	
	Bon Bu Prăng 1A	
	Bon Bu Prăng 2A	
3	Xã Quảng Tân	III
	Bon N Drong B	
	Bon Za Lú A	
	Bon Za Lú B	
	Thôn 10	
	Bon Đăk Suôn	
	Bon Đăk MRê	
	Bon Đăk MRang	
	Bon Đăk KRunng	
	Bon Dâng KRIêng	
	Bon Đăk Quoeng	
	Bon Mê Ra	

	Bon Đắc Nút	
4	Xã Đắc Buk So	II
	Bon Bu Boong	
	Bon Bu NDRung	
	Thôn 9	
5	Xã Đắc Ngo	III
	Thôn 3	
	Thôn Tân Bình	
	Bản Giang Châu	
	Bản Sín Chải	
	Bản Si Át	
	Bản Ninh Hòa	
	Bản Tân Lập	
	Bản Đoàn Kết	
	Bon Điêng Đu	
	Bon Phi Lơ Te	
	Bon Phi Lơ Te 1	
6	Xã Đắc R'Tih	III

	Bon Za Lú	
	Bon BuMlanh A	
	Bon BuMlanh B	
	Bon Rơ Muôn	
	Bon Diêng Ngaih	
	Bon Bu Dong	
	Bon Me Ra	
	Bon Bu Đách	
	Bon Bu Kóh	
	Bon Bu NĐor A	
	Thôn Doãn Văn	
III	Huyện Đắk Song	
1	Trường Xuân	II
	Bon Bu Păh	
	Bon N'Jang Bơ	
	Bon Ding Plei	
2	Đăk N' Drung	I
	Bon Bu N'Drung	

	Bon N'Jrang Lu	
IV	Huyện Đắk Glong	
1	Xã Quảng Khê	III
	Bon Ka La Dong	
	Bon Phi Mur	
	Bon Ka Nur	
	Bon Sa Diêng	
	Bon Ka La Yù	
	Bon Sa Ú Dru	
	Thôn Quảng Long	
	Bon B' Dong	
	Bon R' Dạ	
	Thôn Tân Tiến	
2	Xã Đắk Plao	III
	Bon B'Nom Păng Răh	
	Bon B'Plao	
	Bon B'Tong	

	Thôn 4	
	Thôn 5	
3	Xã Đắc Som	III
	Bon B'Srê A	
	Bon B'Srê B	
	Bon B'Dong	
	Bon Pang So	
	Bon B'Nor	
	Thôn 1	
	Thôn 2	
	Thôn 3	
	Thôn 4	
4	Xã Đắc Ha	III
	Bon Ting Wêl Đăng	
	Bon Kon Hao	
	Thôn 3	
	Thôn 4	
	Thôn 5	

	Thôn 7	
	Thôn 8	
5	Xã Quảng Sơn	III
	Thôn Quảng Tiến	
	Thôn Quảng Hợp	
	Thôn Đắc Snao 2	
	Thôn Đắc Snao	
	Thôn 4	
	Bon N'ting	
	Bon Bu Sir	
	Bon N'Doh	
	Bon Sa Nar	
	Bon R'long Phe	
	Bon Phi Glê	
	Bon R'Bút	
6	Xã Quảng Hòa	III
	Thôn 6	
	Thôn 7	

	Thôn 8	
	Thôn 9	
	Thôn 11	
	Thôn 12	
7	Xã Đắc R'Măng	III
	Bon Sa Nar	
	Bon R' Sông	
	Bon Păng Xuôi	
	Bon Sa Ú	
	Thôn 5	
	Thôn 6	
	Thôn 7	
V	Huyện Đắc R'Lấp	
1	Xã Hưng Bình	I
	Bon Châu Mạ	
2	Xã Đắc Ru	I
	Bon Bu Sê Rê 2	
3	Xã Quảng Tín	I

	Bon Đăng KLiêng	
4	Xã Nhân Đạo	
	Bon PiNao	
VII	Huyện Cư Jút	
1	Thị trấn Ea T'ling	I
	Bon U1	
2	Xã Eapô	I
	Thôn Nam Tiến	
3	Xã Đăk Wil	I
	Thôn 9	
4	Xã Đăk Drông	I
	Bon U S'roong	
VII	Huyện Krông Nô	
1	Xã Nam Đà	I
	Thôn Nam Tân	
2	Xã Nam Xuân	I
	Thôn Đăk Sơn	
	Thôn Sơn Hà	

3	Xã Năm Nung	I
	Bon R' Cáp	
	Bon Ja Răh	
4	Xã Đức Xuyên	
	Bon Choih	
5	TT Đắc Mâm	I
	Bon DRu	
	Bon Yôk RLinh	
	Bon BRoih	
6	Xã Buôn Chóah	II
	Buôn Buôn Chóah	
	Thôn Cao Sơn	
7	Xã Năm N'Đir	I
	Bon Đắc Prí	
8	Xã Quảng Phú	II
	Thôn Phú H a	
	Thôn Phú Xuân	
	Thôn Phú Vinh	

	Thôn Phú Sơn	
9	Xã Đắc Nang	II
	Thôn Phú Thịnh	
	Thôn Phú Tiến	
10	Xã Đắc Drô	I
	Buôn 9	

